BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GLOBAL SUCCESS

Tiếng Anh 4

SÁCH HỌC SINH

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

macmillan education

SÁCH GIÁO KHOA ĐƯỢC THẨM ĐỊNH BỞI HỘI ĐỒNG QUỐC GIA
THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4
(theo Quyết định số 1908/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 7 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

sach-giao-khoa.com

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng
các em học sinh lớp sau!

HOÀNG VĂN VÂN (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN QUỐC TUẤN (Chủ biên)
PHAN HÀ – ĐỖ THỊ NGỌC HIỀN – ĐÀO NGỌC LỘC
TRẦN HƯƠNG QUỲNH – NGUYỄN MINH TUẤN

GLOBAL SUCCESS

Tiếng Anh 4

SÁCH HỌC SINH **TẬP HAI**

(Tái bản lần thứ ba)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

macmillan education

LỜI NÓI ĐẦU

Tiếng Anh 4 – Global Success – Sách học sinh, tập hai được Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn theo "Chương trình Giáo dục phổ thông: Chương trình môn Tiếng Anh" (từ lớp 3 đến lớp 12) ban hành theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với sự hợp tác chặt chẽ về chuyên môn và kĩ thuật của Nhà xuất bản Macmillan (MPC). Sách được biên soạn theo đường hướng giao tiếp, giúp học sinh bước đầu hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh, thông qua bốn kĩ năng nghe, nói, đọc và viết, trong đó ưu tiên phát triển hai kĩ năng nghe và nói.

Tiếng Anh 4 – Global Success – Sách học sinh, tập hai xoay quanh hai chủ điểm giao tiếp gần gũi với học sinh: *Me and My Family* và *Me and the World Around*. Mỗi chủ điểm được chia thành năm đơn vị bài học (Unit) tương ứng với năm chủ đề của chương trình. Sau năm đơn vị bài học là một bài ôn (Review) tập trung vào các kĩ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức ngôn ngữ cơ bản (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp).

Tiếng Anh 4 – Global Success – Sách học sinh, tập hai được biên soạn dựa trên những cơ sở lí luận và thực tiễn của việc dạy và học tiếng Anh tiểu học ở Việt Nam, có tính đến tâm lí lứa tuổi và giao lưu quốc tế.

Các tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các nhà giáo, phụ huynh học sinh và đông đảo bạn đọc quan tâm để sách được hoàn thiện hơn.

Các tác giả

CHARACTERS





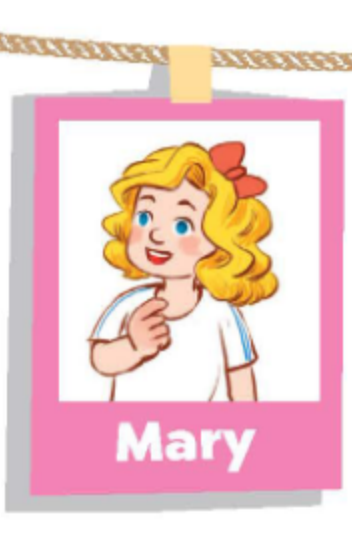
















Kết nối tri thức
VỚI CUỘC SỐNG

Book map

ME AND MY FAMILY			
Competences	**Structures**	**Vocabulary**	**Phonics**
Unit 11 My home	**Page 6**		
• Asking and answering questions about where someone lives • Asking and answering questions about what a place is like	• Where do you live? – I live ... • What's the ... like? – It's ...	road, street big, busy, live, noisy, quiet at, in (+ name of the street / road)	big street
Unit 12 Jobs	**Page 12**		
• Asking and answering questions about jobs • Asking and answering questions about places of work	• What does he / she do? – He's / She's ... • Where does he / she work? – He / She works ...	actor, farmer, nurse, office worker, policeman factory, farm, hospital, nursing home	farmer nurse
Unit 13 Appearance	**Page 18**		
• Asking and answering questions about someone's appearance	• What does he / she look like? – He's / She's ... – He / She has ...	big, short, slim, tall eyes, face, hair, long, round	long round
Unit 14 Daily activities	**Page 24**		
• Asking and answering questions about when someone does an activity • Asking and answering questions about what daily activities someone does	• When do you watch TV? – I watch TV ... • What do you do in the morning? – I ...	at noon, in the afternoon, in the evening, in the morning clean the floor, help with the cooking, wash the clothes, wash the dishes	watch wash
Unit 15 My family's weekends	**Page 30**		
• Asking and answering questions about where someone goes • Asking and answering questions about what someone does	• Where does he / she go on Saturdays? – He / She goes to the ... • What does he / she do on Sundays? – He / She ...	cinema, shopping centre, sports centre, swimming pool cook meals, do yoga, play tennis, watch films	go television
Review 3	**Page 36**		

ME AND THE WORLD AROUND			
Competences	**Structures**	**Vocabulary**	**Stress**
Unit 16 Weather	**Page 40**		
• Asking and answering questions about the weather in the past • Making and responding to suggestions to go somewhere	• What was the weather like last weekend? – It was ... • Do you want to go to the ...? – Great! Let's go. / Sorry, I can't.	cloudy, rainy, sunny, weather, windy bakery, bookshop, food stall, water park	'sunny 'rainy
Unit 17 In the city	**Page 46**		
• Identifying road signs • Asking for and giving directions	• What does it say? – It says '...'. • How can I get to the ...? – ...	get, go straight, left, right, stop, turn, turn left, turn right, turn round	'bookshop 'campsite
Unit 18 At the shopping centre	**Page 52**		
• Asking and answering questions about locations • Asking and answering questions about prices	• Where's the bookshop? – It's ... • How much is the ...? – It's ...	behind, between, near, opposite gift shop, skirt, T-shirt dong, thousand	be'hind be'tween
Unit 19 The animal world	**Page 58**		
• Asking and answering questions about animals • Asking for and giving reasons for liking an animal	• What are these animals? – They're ... • Why do you like ...? – Because they ...	crocodiles, giraffes, hippos, lions dance beautifully, roar loudly, run quickly, sing merrily	'loudly 'quickly
Unit 20 At summer camp	**Page 64**		
• Asking and answering questions about what someone is doing • Asking and answering questions about what people are doing	• What's he / she doing? – He's / She's ... • What are they doing? – They're ...	building a campfire, dancing around the campfire, playing card games, playing tug of war, putting up a tent, singing songs, taking a photo, telling a story	'visit 'email
Review 4	**Page 70**		
Wordlist	**Page 74**		

https://cach-giaokhoa.com

UNIT 11

My home

LESSON 1

1 Look, listen and repeat.





2 Listen, point and say.

Where do you live?

I live _____.



in Tran Hung Dao Street



in Quang Trung Road



at 81 Tran Hung Dao Street



at 9 Quang Trung Road

3 Let's talk.

Where do you live?

_____.



4 Listen and tick or cross.

Track 3









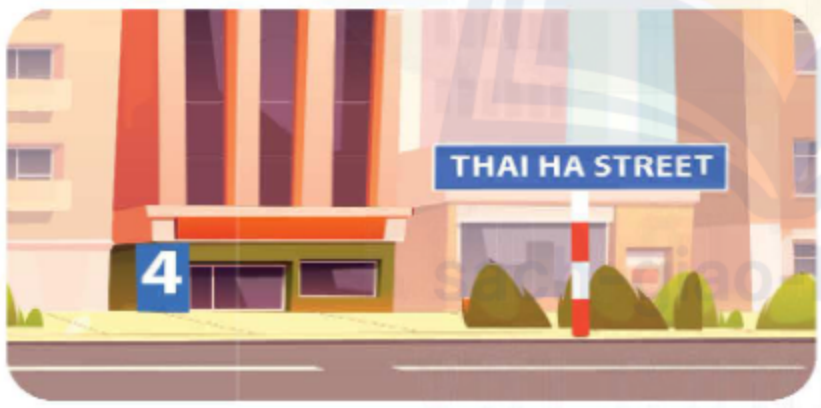
5 Look, complete and read.





1. A: Where do you live?
   B: I live at _____ Green Street.

2. A: Where do you live?
   B: I live in _____.





3. A: _____ do you live?
   B: I live at _____.

4. A: Where do you _____?
   B: I live _____.

6 Let's play.

Whispering



LESSON 2

1 Look, listen and repeat. Track 4



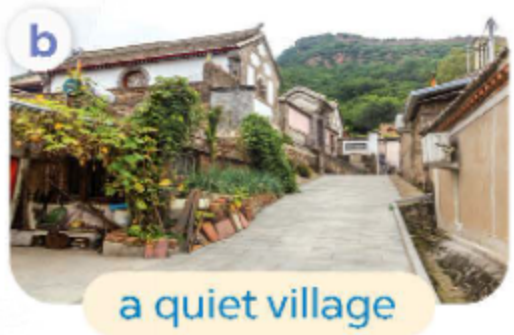


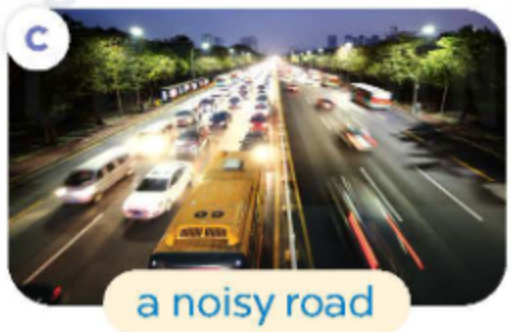
2 Listen, point and say. Track 5

What's the _____ like?

It's _____.









3 Let's talk.

What's the _____ like?

_____.







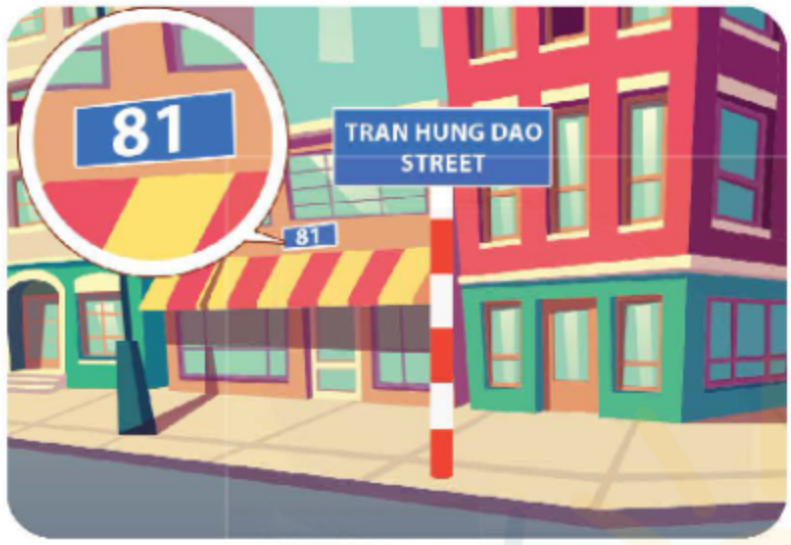


4 Listen and tick.

1. a  b 

2. a  b 

5 Look, complete and read.





1. A: Where do you live?
   B: I live at _____.
   A: What's the street like?
   B: It's a _____ street.

2. A: Where do you _____?
   B: I live in a _____.
   A: _____ the village _____?
   B: It's a busy village.

6 Let's sing.

My house

I live in a house.
It's a small house
In a quiet street
In a big town.



I live in a house.
It's a small house
In a busy street
In a big city.



LESSON 3

1 Listen and repeat. Track 8

i	big	They live in a big village.
ee	street	They live in Green Street.

2 Listen and circle. Track 9

1. **a.** I am in a big town.

b. I am in a green town.

c. I am at Green Hotel.

2. **a.** He is in a big town.

b. He is at Green Hotel.

c. He is in a big hotel.

3 Let's chant. Track 10





Little Bee, Little Bee
Where do you live?
I live in Green Street.
Green Street, Green Street.
Here you are, Little Bee.

Little Fish, Little Fish
Where do you live?
I live in a big village.
A big village, a big village.
Here you are, Little Fish.

4 Read and circle.

I live in a small flat with my parents. It is in Le Lai Street. The street is very busy. At the weekend, I visit my grandparents. They live in a big house with a beautiful garden in a village. The village is quiet and beautiful.

1. I live in a _____ flat.

a. big

b. small

2. Le Lai Street is very _____.

a. busy

b. quiet

3. My grandparents live in a _____.

a. city

b. village

4. The village is _____.

a. quiet and beautiful

b. small and busy

5 Let's write.

I live in _____ with my _____. It is in _____.
It is _____. There are not many _____ there,
but there is _____. I love my _____.

6 Project

My beautiful home



UNIT 12

Jobs

LESSON 1

1 Look, listen and repeat. Track 11





2 Listen, point and say. Track 12

What does he / she do?

He's / She's _____.









3 Let's talk.

What does he / she do?

_____.











4 Listen and tick or cross. Track 13


1 ☐


2 ☐


3 ☐


4 ☐

5 Look, complete and read.



1. A: What does your sister do?
   B: She's an _____.



2. A: What does your brother do?
   B: He's _____.



3. A: What does your father _____?
   B: He's _____.



4. A: _____ does your mother do?
   B: _____.

6 Let's sing. Track 14

My lovely family



There are four people in my family.
My father is a farmer.
My mother is a teacher.
My brother and I are pupils.



There are four people in my family.
My father is a worker.
My mother is a doctor.
My sister and I are pupils.

LESSON 2

1 Look, listen and repeat. Track 15





2 Listen, point and say. Track 16

Where does he / she work?

He / She works _____.









3 Let's talk.

Where does he / she work?

_____.









4 Listen and tick.

Track 17

1. a  b 

2. a  b 

5 Look, complete and read.

1. A: What does your mother do?
   B: She's a _____.
   A: Does she _____ a nursing home?
   B: No, she doesn't. She works at a hospital.



2. A: What does your brother do?
   B: He's _____.
   A: Where does he _____?
   B: He works _____.



sach-giao-khoa.com

6 Let's play.

Guessing game



LESSON 3

1 Listen and repeat. Track 18

ar	farmer	My father is a farmer.
ur	nurse	My mother is a nurse.

2 Listen and circle. Track 19

1. His mother is a _____.

a. farmer

b. nurse

c. gardener

2. Her father is a _____.

a. nurse

b. gardener

c. farmer

3 Let's chant. Track 20



My father is a farmer.
He works on a farm.
My mother is a nurse.
She works at a nursing home.

Our father is a nurse.
He works at a nursing home.
Our mother is a farmer.
She works on a farm.



sach-giao-khoa.com

4 Read and complete.

Look at the photo of my family. This is my mother. She is a nurse. She works at a nursing home. This is my father. He is a worker. He works at a factory. This is me. I am a pupil. I study at a primary school.



	What does he / she do?	Where does he / she work?
His mother	(1) _____	(2) _____
His father	(3) _____	(4) _____

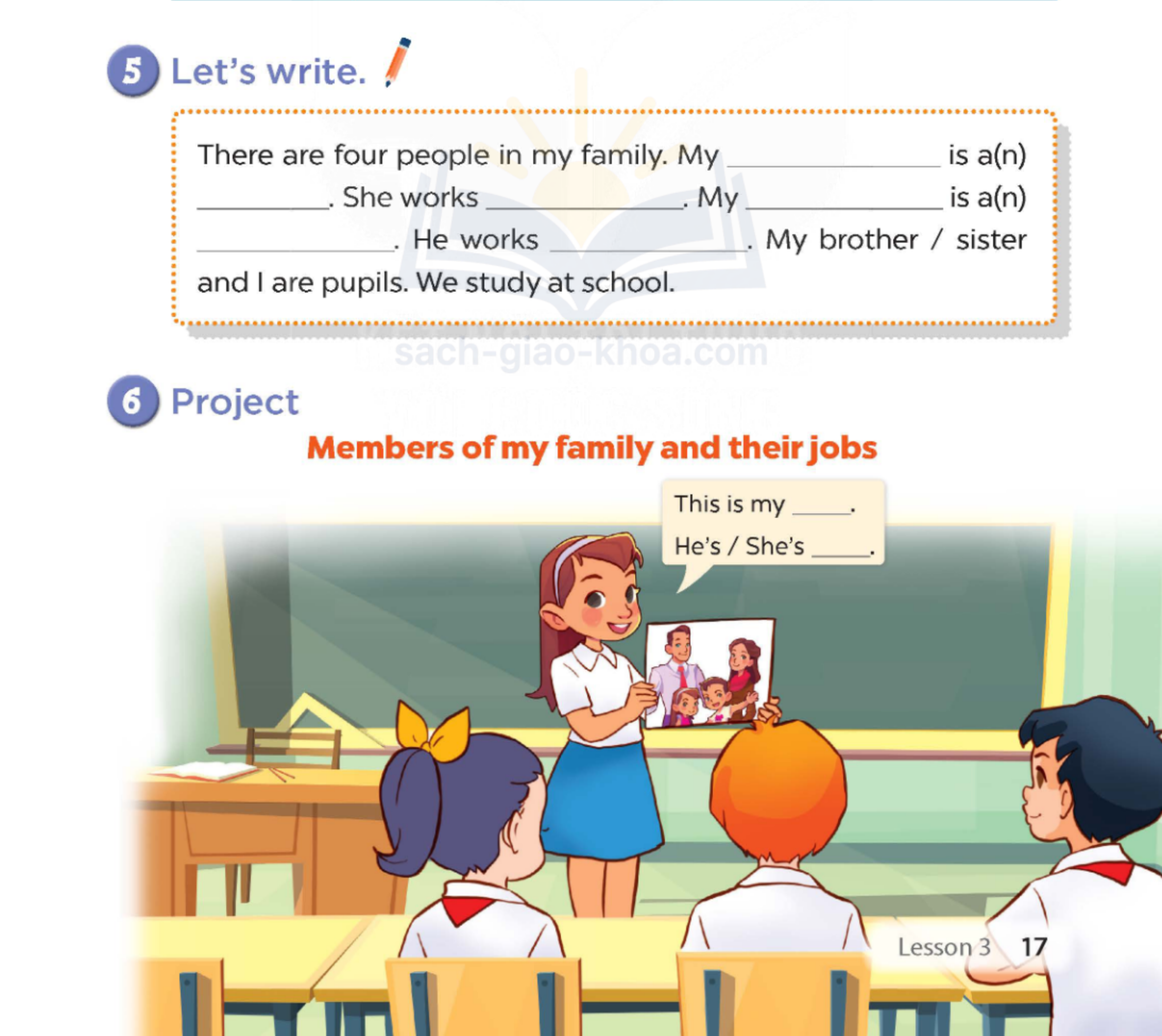
5 Let's write.

There are four people in my family. My _____ is a(n) _____. She works _____. My _____ is a(n) _____. He works _____. My brother / sister and I are pupils. We study at school.

sach-giao-khoa.com

6 Project

Members of my family and their jobs



UNIT 13

Appearance

LESSON 1

1 Look, listen and repeat. Track 21





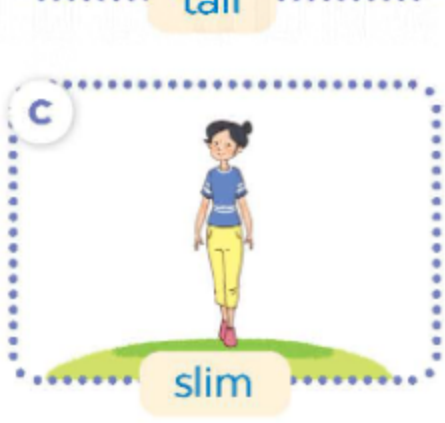
2 Listen, point and say. Track 22

What does he / she look like?

He's / She's _____.









3 Let's talk.

What does he / she look like?

_____.



sach-giao-khoa.com

4 Listen and tick. Track 23

1. a  b 

2. a  b 

5 Look, complete and read.

1. A: What does your brother look like?
   B: He's _____.

2. A: What does your grandmother look like?
   B: She's _____.

3. A: What does your grandfather _____ like?
   B: He's tall and _____.

4. A: _____ does your mother look like?
   B: _____ and tall.









6 Let's sing. Track 24

What do your parents look like?

Your mum, your mum.
What does she look like?
She's slim.
She's tall.
She's slim and tall.

Your dad, your dad.
What does he look like?
He's big.
He's tall.
He's big and tall.



sach-giao-khoa.com

LESSON 2

1 Look, listen and repeat. Track 25





2 Listen, point and say. Track 26

What does he / she look like?

He / She has _____.









3 Let's talk.

What does he / she look like?

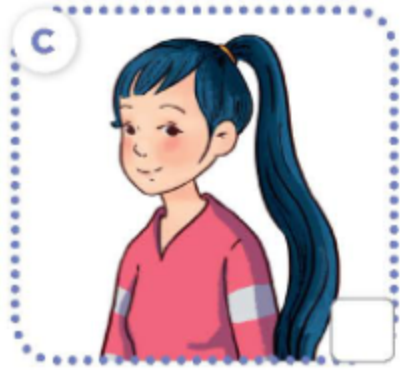
_____.

4 Listen and number.

Track 27









5 Look, complete and read.



1. A: Do you have a brother, Mai?
   B: Yes, I do.
   A: What does he look like?
   B: He's _____. He has a round _____.



2. A: Do you have a sister, Bill?
   B: Yes, I do.
   A: What does she _____?
   B: She's slim. She has _____.

6 Let's play.

Tic-tac-toe



~~short hair~~	big eyes	long hair
a round face	small eyes	tall
short	slim	big



https://tieu-hoc-giao-khoa.com

LESSON 3

1 Listen and repeat. Track 28

l	long	My sister has long hair.
r	round	My brother has round eyes.

2 Listen and circle. Track 29

1. My grandfather has _____.
   a. long hands
   b. a round face
   c. a long nose
2. My brother has _____.
   a. long hands
   b. a round face
   c. round eyes

sach-giao-khoa.com

3 Let's chant. Track 30



Who's that?
It's my brother.
What does he look like?
He has long hair.
His hair is long.

Who's that?
It's my sister.
What does she look like?
She has a round face.
Her face is round.



4 Read and complete.

I have a big family: my grandfather, my grandmother, my father, my mother, my sister and me. My grandfather is big. My grandmother is big, too. My father is very tall. My mother is slim. She has long hair. My sister has a round face and big eyes.

1. My grandfather and grandmother are _____.

2. My father is _____.

3. My mother has _____.

4. My sister has _____.



5 Let's write.

There are _____ people in my family. My father is _____.
He has _____. My mother is _____. She has _____.
My _____. We love our family.

6 Project

Appearance of my family members



	tall	short	big	slim	short hair	long hair
father	✓				✓	
mother						
brother						
sister						

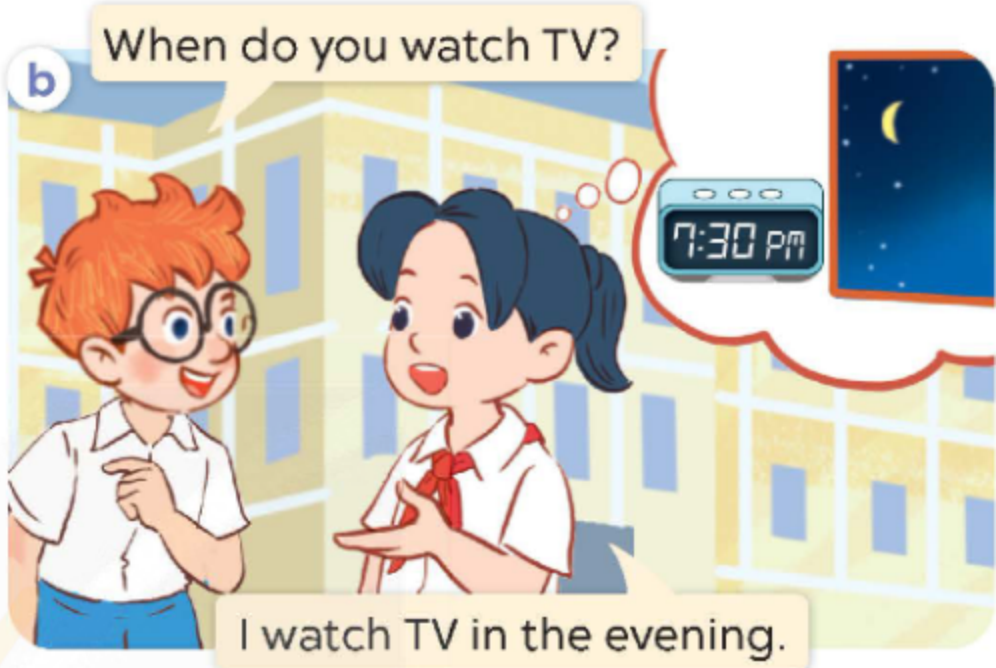
UNIT 14

Daily activities

LESSON 1

1 Look, listen and repeat. Track 31





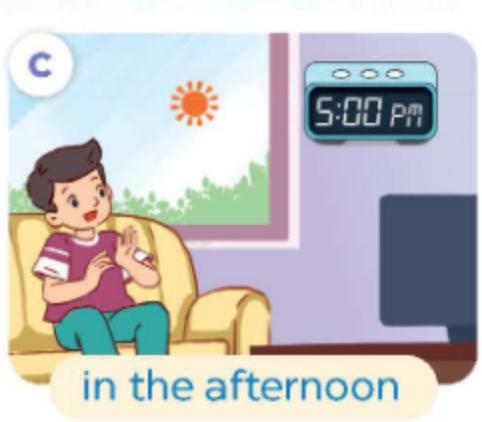
2 Listen, point and say. Track 32

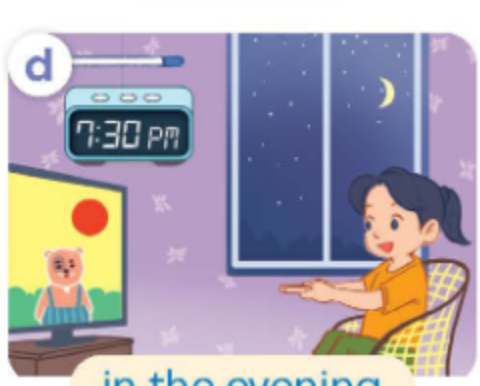
When do you watch TV?

I watch TV _____.









3 Let's talk.

When do you watch TV?

_____.



4 Listen and tick or cross. Track 33









5 Look, complete and read.



1. A: When do you watch TV?
   B: In the _____.



2. A: When do you do housework?
   B: In the _____.



3. A: When do you _____?
   B: At _____.



4. A: _____ do you read books?
   B: In the _____.

6 Let's sing. Track 34

When do you watch TV and read books?

When do you watch TV?
I watch TV in the afternoon.
When do you read books?
I read books in the evening.

When do you watch TV?
I watch TV at noon.
When do you read books?
I read books in the morning.







LESSON 2

1 Look, listen and repeat. Track 35

a



b



2 Listen, point and say. Track 36

What do you do in the morning?

I _____.

a



wash the clothes

b



clean the floor

c



help with the cooking

d



wash the dishes

3 Let's talk.

What do you do in the morning / afternoon / evening?

_____.



4 Listen and number. Track 37





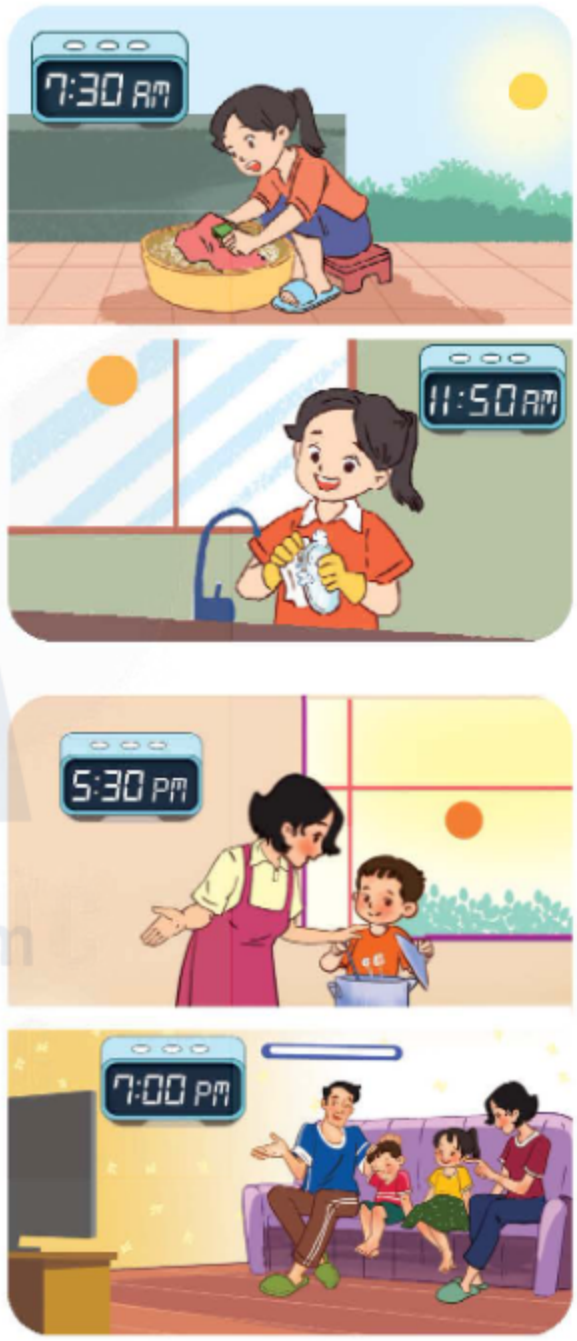




5 Look, complete and read.

1. A: What do you do in the morning?
   B: I wash my _____.
   A: _____ do you do at noon?
   B: I wash the dishes.

2. A: What do you do in the _____?
   B: I help my mum with the cooking.
   A: And in the _____, what do you do?
   B: We watch _____ together.



6 Let's play.

Miming game



sach-giao-khoa.com

LESSON 3

1 Listen and repeat. Track 38

tch	watch	When do you watch TV?
sh	wash	I wash my clothes in the evening.

2 Listen and circle. Track 39

1. When do you _____?

a. watch TV

b. wash the dishes

c. wash your clothes

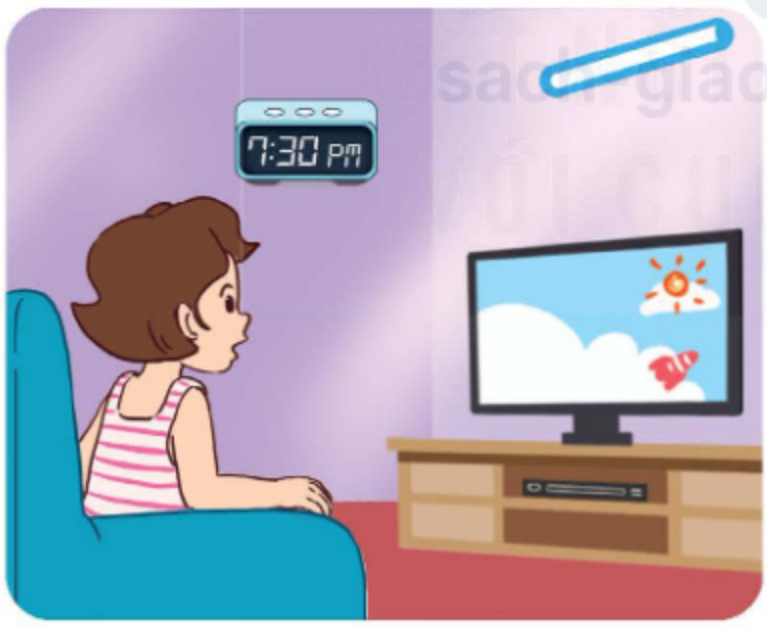
2. When does your sister _____?

a. wash the dishes

b. watch TV

c. wash her clothes

3 Let's chant. Track 40





Watch TV, watch TV.
Do you watch TV?
Yes, I do. Yes, I do.
When do you watch TV?
In the evening. In the evening.

Wash clothes, wash clothes.
Do you wash your clothes?
Yes, I do. Yes, I do.
When do you wash your clothes?
In the afternoon. In the afternoon.

sách giáo-khoa.com

4 Read and match.

It is Sunday today. We are at home. I do housework with my parents on Sundays. In the morning, I wash the clothes. In the afternoon, I help my mum with the cooking and clean the floor. In the evening, my dad and I wash the dishes.

1. in the morning

2. in the afternoon

3. in the evening

a. clean the floor

b. wash the dishes

c. wash the clothes

d. help with the cooking

5 Let's write.

I do a lot of housework on Sundays. In the morning, I _____ and _____. In the afternoon, I _____ and _____. In the evening, I _____ with my family.

sách-giáo-khoa.com

6 Project

My Sunday activities



UNIT 15

My family's weekends

LESSON 1

1 Look, listen and repeat. Track 41





2 Listen, point and say. Track 42

Where does he / she go on Saturdays?

He / She goes to the _____.







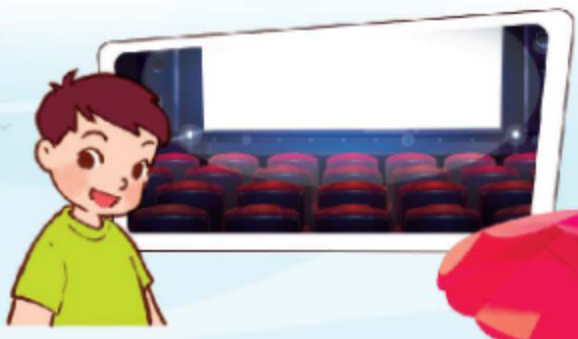


3 Let's talk.

Where does he / she go on Saturdays?

_____.









4 Listen and tick. Track 43

1. a 
b 

2. a 
b 

5 Look, complete and read.



1. My brother goes to the _____ on Saturdays.



2. My sister goes to the _____ on Saturdays.



3. A: Where does your father go on Saturdays?
   B: He _____ to the _____.



4. A: _____ does your mother go on Saturdays?
   B: She _____.

6 Let's sing. Track 44

Where do they go on Saturdays?

Where does your father go on Saturdays?
He goes to the sports centre.
Where does your mother go on Saturdays?
She goes to the shopping centre.



Where does your brother go on Saturdays?
He goes to the cinema.
Where does your sister go on Saturdays?
She goes to the swimming pool.



sach-giao-khoa.com

LESSON 2

1 Look, listen and repeat. Track 45



2 Listen, point and say. Track 46

What does he / she do on Sundays?

He / She _____.


a cooks meals


b plays tennis


c watches films


d does yoga

3 Let's talk.

What does he / she do on Sundays?

_____.









4 Listen and match.

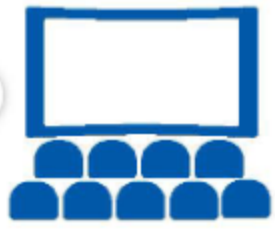
Track 47

1. 

2. 

3. 

4. 

a 

b 

c 

d 

5 Look, complete and read.





1. A: Where does your brother go on Sundays?
   B: He goes to the _____.
   A: What does he _____ there?
   B: He plays _____.

2. A: Where is your mother on Sundays?
   B: She's at _____.
   A: _____ does she do?
   B: She _____.

sach-giao-khoa.com

6 Let's play.

Matching game



LESSON 3

1 Listen and repeat. Track 48

g	go	I go to the cinema on Saturdays.
s	television	We watch television on Sundays.

2 Listen and circle. Track 49

1. I _____ on Saturdays.

a. watch television

b. go to the cinema

c. go to the shopping centre

2. They _____ on Sundays.

a. go to the sports centre

b. watch television

c. watch films on television

3 Let's chant. Track 50





Where do you go on Saturdays?

I go to the cinema.

Where does your father go on Saturdays?

He goes to the sports centre.



What do you do on Sundays?

I watch television at home.

What does your mother do on Sundays?

She goes shopping with my sister.



4 Read and tick True or False.

Today is Sunday. Ben and his family do a lot of things on Sundays. His father goes to the sports centre. He plays tennis. His mother goes to the shopping centre. His sister goes to the cinema. Ben stays at home. He watches TV. In the evening, they have a nice meal together.

	True	False
1. Ben and his family do a lot of things.		
2. His father plays table tennis.		
3. His mother goes shopping.		
4. His sister watches a film at the cinema.		

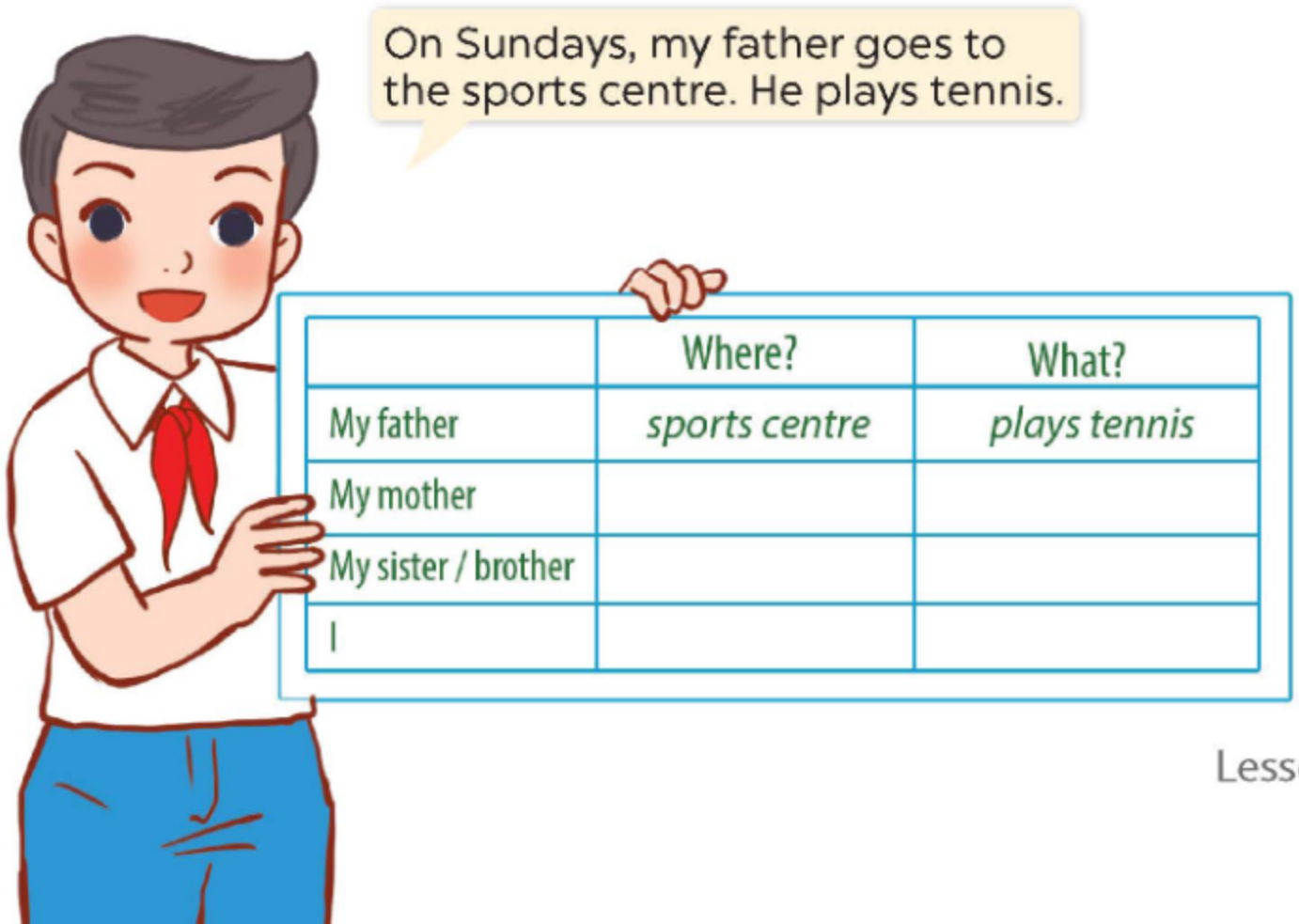
5 Let's write.

Mai and her family do a lot of things at the weekend. On Saturdays, her father _____. Her mother _____. Her brother _____. Mai _____. On Sundays, her family _____ together.

sách-giáo-khoa.com

6 Project

My family's weekend activities



	Where?	What?
My father	*sports centre*	*plays tennis*
My mother		
My sister / brother		
I		

Review 3

1 Listen and number. Track 51









2 Ask and answer.

1. What does your sister look like?



_____.

2. When do you watch TV?



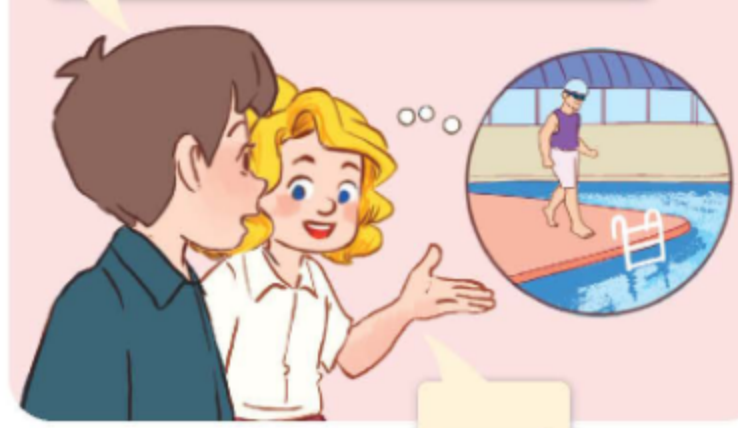
_____.

3. Where does your mother work?



_____.

4. Where does your father go on Saturdays?



_____.

sach-giao-khoa.com

3 Read and match.

1. Where do you live?	**a.** She has short hair.
2. What does your sister look like?	**b.** He works at a nursing home.
3. What do you do in the morning?	**c.** He cooks meals.
4. What does your brother do at the weekend?	**d.** I live at 25 Le Lai Street.
5. Where does your father work?	**e.** I do housework.

4 Read and complete.

factory pupil slim watch works

There are three people in my family: my father, my mother and me. My father is tall. He works at a (1) _____. My mother is (2) _____. She (3) _____ at a school. I am a (4) _____. In the morning and afternoon, I study at school. In the evening, I do homework and (5) _____ TV.

5 Let's write.

This is my family. On Sundays, we stay at home and do many things. My father _____. My mother _____. My brother _____. I _____.



Extension activities

1 Work in pairs. Take turns to describe and draw a family member.



2 Tell the class about your partner's family member.



3 Read and match. Then say what the animals are.

1. It is big.
It has a long nose.
It has two big ears.



2. It is small.
It is yellow.
It has two legs.



3. It is big.
It has brown hair.
It has a round face.



4. It is small.
It is yellow.
It has no legs.



UNIT 16

Weather

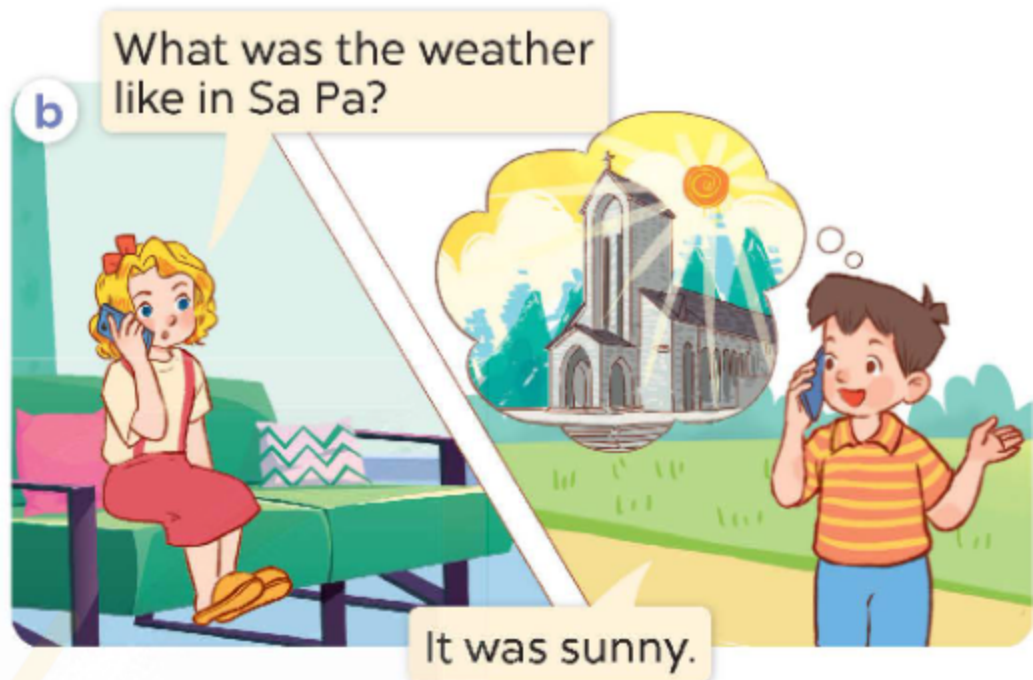
LESSON 1

1 Look, listen and repeat. Track 52

a



b



2 Listen, point and say. Track 53

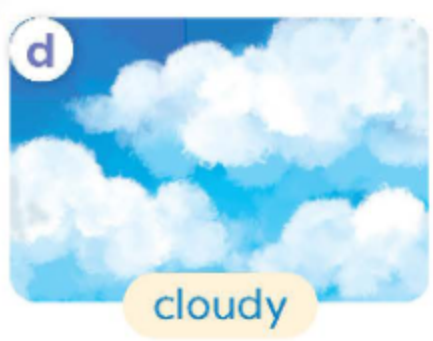
What was the weather like last weekend?

It was _____.









3 Let's talk.

What was the weather like yesterday?

_____.

Hai Phong	Hoi An	Nha Trang	Can Tho
			

4 Listen and number. Track 54

a 

b 

c 

d 

5 Look, complete and read.



1. A: What was the weather like in Sa Pa last Sunday?

   B: It was _____.



2. A: What was the weather like in Ho Chi Minh City yesterday?

   B: It was _____.



3. A: _____ the weather like in Da Nang yesterday?

   B: It _____.



4. A: What was the _____ like in Hue last weekend?

   B: _____.

6 Let's sing. Track 55

What was the weather like yesterday?

Weather, weather.

What was the weather like yesterday?

It was sunny. It was sunny.

It was a sunny day.

Weather, weather.

What was the weather like yesterday?

It was windy. It was windy.

It was a windy day.

LESSON 2

1 Look, listen and repeat. Track 56





2 Listen, point and say. Track 57

Do you want to go to the _____?

Great! Let's go.

Sorry, I can't.









3 Let's talk.



4 Listen and match. Track 58

1.



2.



a



b



a



b



5 Look, complete and read.





1. A: What's the weather like today?
   B: It's _____.
   A: Lovely! Do you want to go to the bookshop?
   B: _____! Let's go.

2. A: Look! It's sunny today.
   B: Yes, it is.
   A: Do you want to go to the _____ with me?
   B: Sorry, _____. I'm doing my homework.

sach-giao-khoa.com

6 Let's play.

Slap the board and say



LESSON 3

1 Listen and repeat. Track 59

'sunny — It's 'sunny today.

'rainy — I don't like 'rainy weather.

2 Listen and circle. Track 60

1. It's _____ in Ho Chi Minh City.

   a. windy b. sunny c. rainy

2. I like _____ weather.

   a. sunny b. cloudy c. windy

3 Let's chant. Track 61



Sunny, sunny, sunny.
I like sunny days.
Cloudy, cloudy, cloudy.
I don't like cloudy days.

Windy, windy, windy.
I like windy days.
Rainy, rainy, rainy.
I don't like rainy days.





sach-giao-khoa.com

4 Read and circle.

It was rainy yesterday. We were at home. It is sunny today. We are at the shopping centre. Kate is at the bookshop. She wants some books. Jim is at the food stall. He wants some chicken. I am at the bakery. I want some bread. We have a happy shopping day.

1. It was _____ yesterday.

   a. cloudy b. sunny c. rainy

2. It is _____ today.

   a. windy b. rainy c. sunny

3. Kate is at the _____.

   a. bookshop b. bakery c. food stall

4. Jim is at the _____.

   a. food stall b. bookshop c. bakery

5 Let's write.

- What is the weather like today?
- Where do your family go?
- What do your parents want to buy?
- What do you want to buy?
- What does your brother / sister want to buy?

My family go shopping

The weather is lovely today. My family want to go to the supermarket. _____

_____

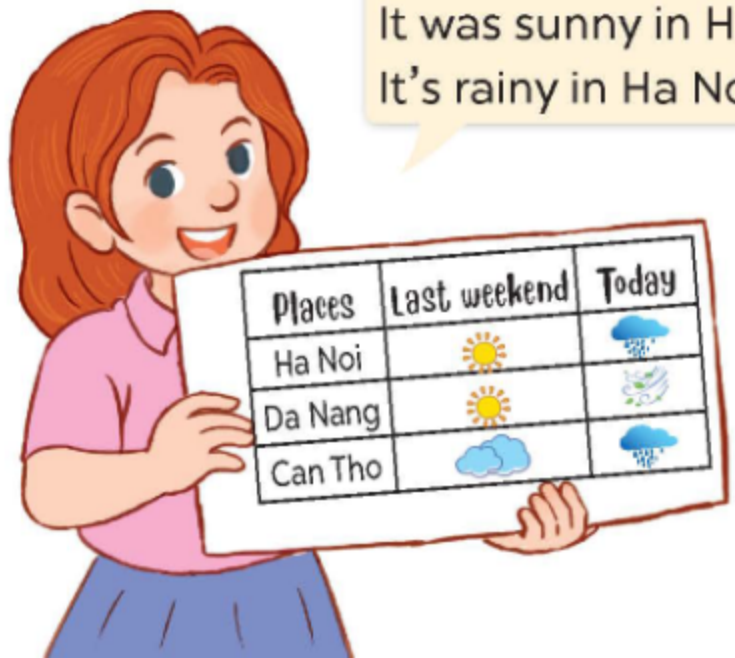
_____

_____

_____

6 Project

My weather chart



sach-giao-khoa.com

UNIT 17

In the city

LESSON 1

1 Look, listen and repeat. Track 62





2 Listen, point and say. Track 63

What does it say?

It says '_____'.

a



stop

b



go straight

c

turn right

d

turn left

3 Let's talk.

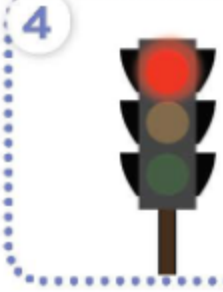


4 Listen and tick or cross. Track 64

1 

2 

3 

4 

5 Look, complete and read.



1. A: What does it say?
   B: It says '_____'.



2. A: What does it say?
   B: It says '_____'.



3. A: _____ does it say?
   B: It says '_____'.



4. A: What does it _____?
   B: It says '_____'.

sach-giao-khoa.com

6 Let's sing. Track 65

When I cross the road

When I cross the road,
I stop, look, listen and think.
The light is red. The light is red.
What does it say?
It says 'stop', 'stop', 'stop'.

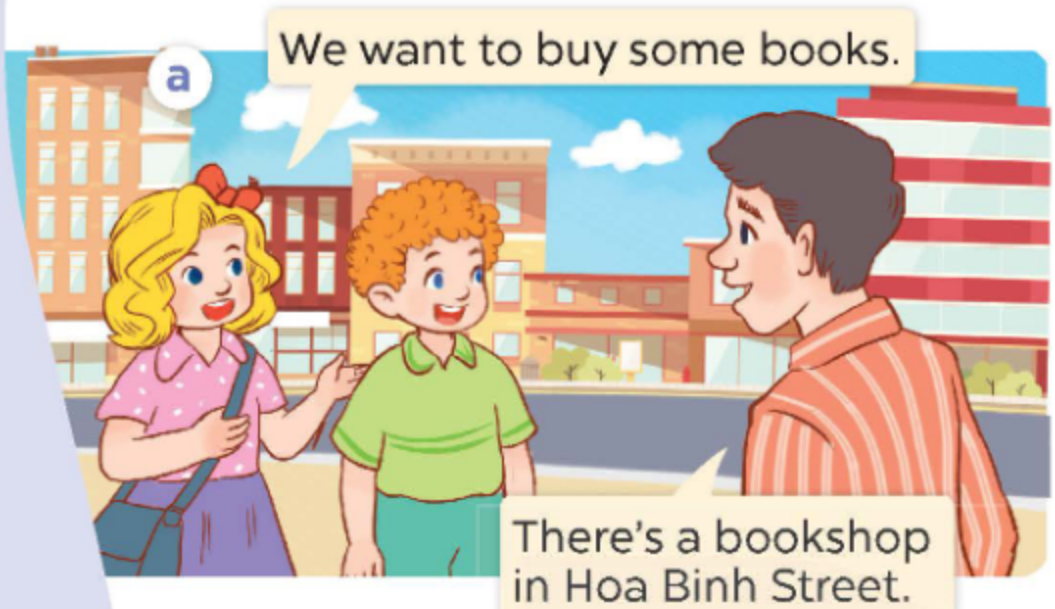


When I cross the road,
I stop, look, listen and think.
The light is green. The light is green.
What does it say?
It says 'go', 'go', 'go'.



LESSON 2

1 Look, listen and repeat. Track 66

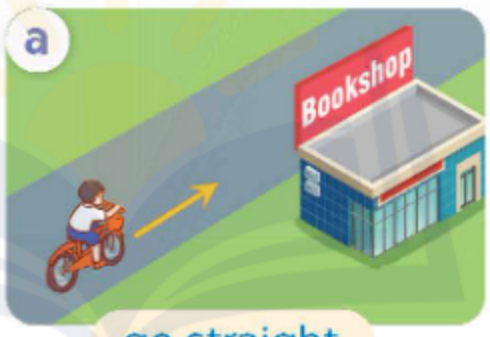


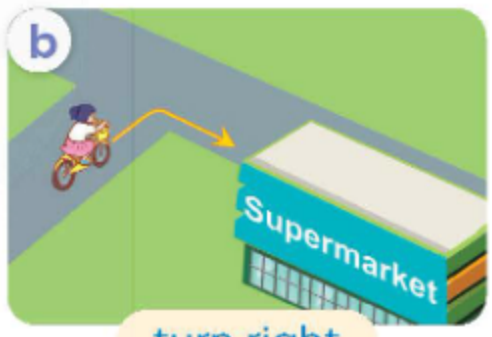


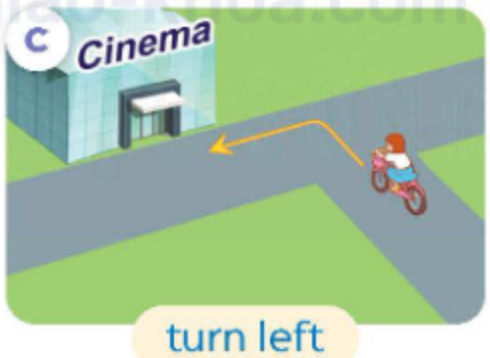
2 Listen, point and say. Track 67

How can I get to the _____?

_____.





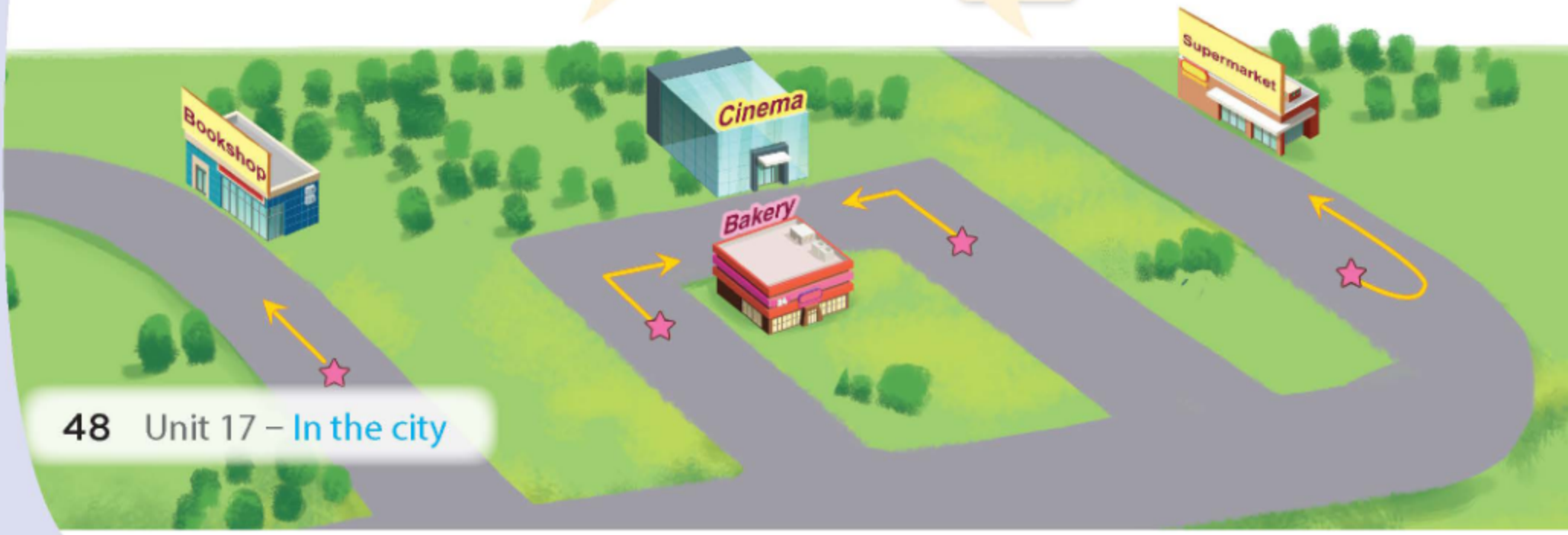




3 Let's talk.

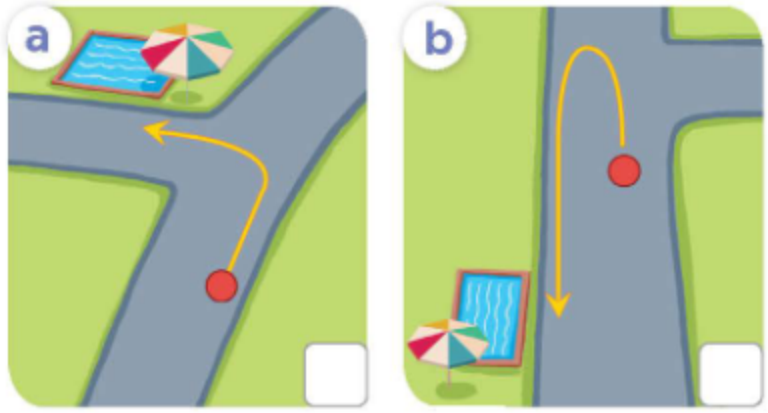
How can I get to the _____?

_____.

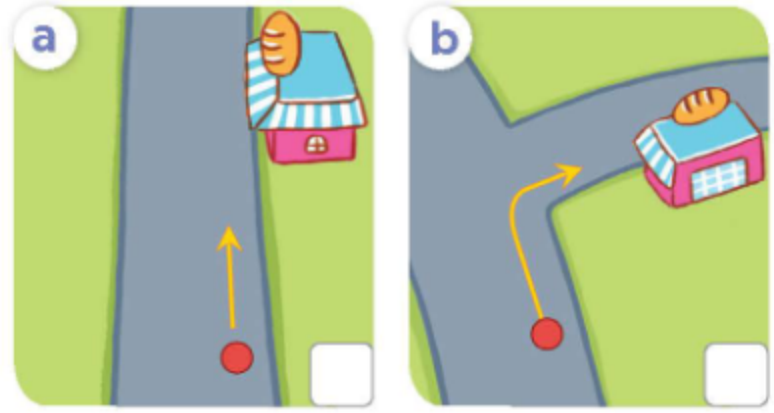


4 Listen and tick. Track 68

1.



2.



5 Look, complete and read.

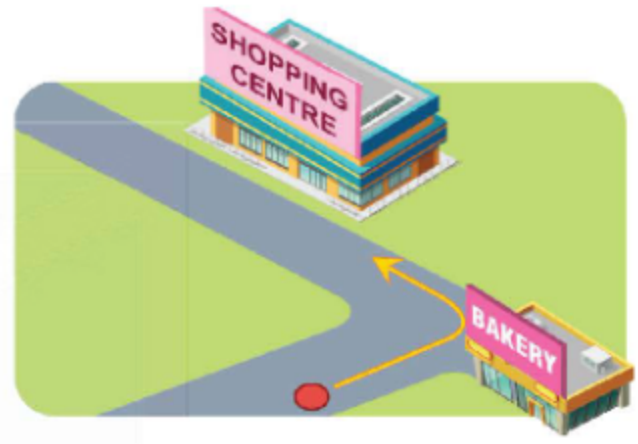
1. A: Excuse me. How can I get to the shopping centre?

B: The sports centre or the shopping centre?

A: _____.

B: Turn _____ at the bakery.

A: Thank you very much.



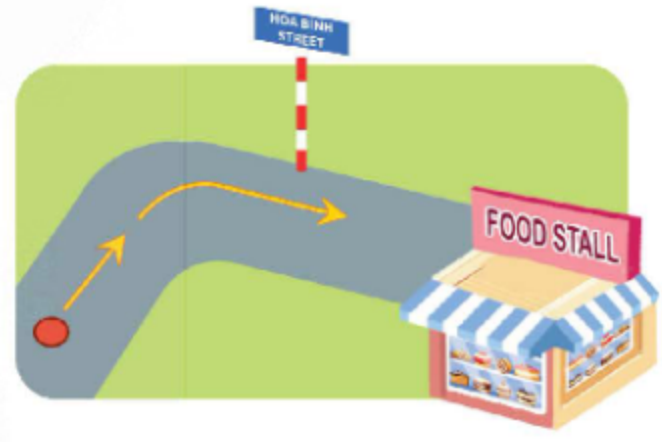
2. A: Excuse me. Is there a food stall near here?

B: There's a food stall in Hoa Binh Street.

A: _____ can I get there?

B: Go straight and turn _____.

A: Thank you very much for your help.



sach-giao-khoa.com

6 Let's play.

Show me the way



LESSON 3

1 Listen and repeat. Track 69

'bookshop	How can I get to the 'bookshop?
'campsite	How can I get to the 'campsite?

2 Listen and circle. Track 70

1. How can I get to the _____?

a. village

b. campsite

c. bookshop

2. How can I get to the _____?

a. campsite

b. city

c. bookshop

3 Let's chant. Track 71

Bookshop, bookshop, bookshop.
How can I get to the bookshop?
Go straight, go straight.
The bookshop is on the right.

Campsite, campsite, campsite.
How can I get to the campsite?
Go straight, go straight.
The campsite is on the left.



4 Read and tick True or False.

Mai wants to buy some bread. The bakery is in Nguyen Hue Street. How can she get there? She can go straight and turn right. The bakery is on the right.

Bill wants to buy some books. The bookshop is in Green Street. How can he get there? He can go straight and turn left. The bookshop is on the left.

	True	False
1. The bakery is in Nguyen Hue Street.		
2. Mai can go straight and turn left to get to the bakery.		
3. Bill wants to go to the library.		
4. Bill can go straight and turn left to get to the bookshop.		

5 Let's write.

- What do you want to buy at the bookshop?
- Where is it?
- How can you get there?

How can I get there?

Today is Sunday. I want to buy

_____.

_____

_____



6 Project

How can I get to ...?



UNIT 18

At the shopping centre

LESSON 1

1 Look, listen and repeat. Track 72

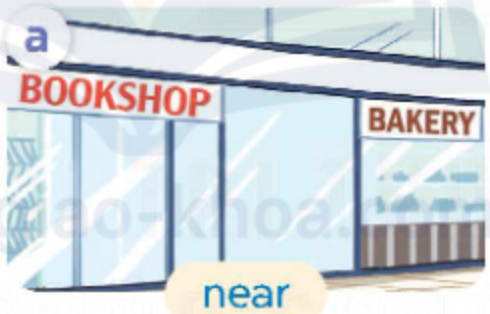




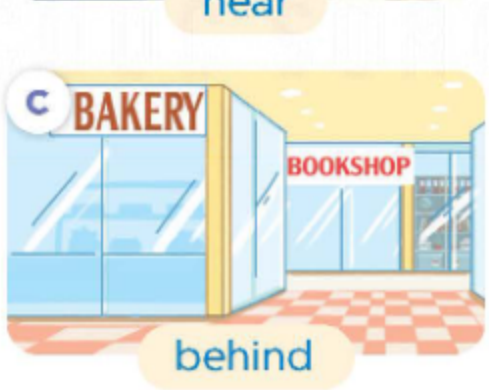
2 Listen, point and say. Track 73

Where's the bookshop?

It's _____.









3 Let's talk.



4 Listen and tick. Track 74

1.



2.



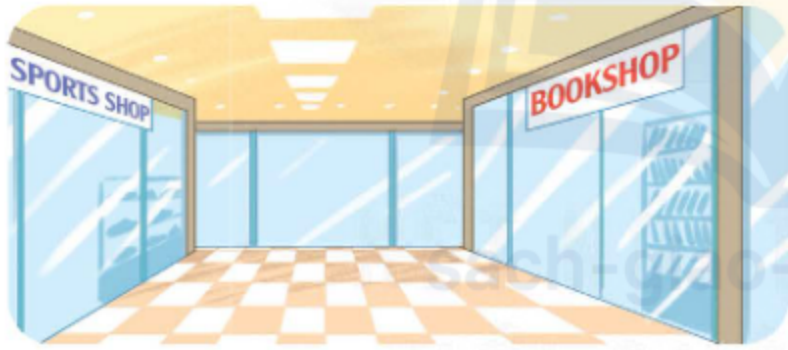
5 Look, complete and read.



1. A: Where's the bookshop?
   B: It's _____ the bakery.



2. A: Where's the food shop?
   B: It's _____ the sports shop and the bookshop.



3. A: Where's the _____?
   B: It's _____ the sports shop.



4. A: _____ the bakery?
   B: It's _____ the bookshop.

6 Let's sing. Track 75

Where's the bookshop?

Excuse me, where's the bookshop?
It's over there. It's over there.
It's near the bakery.

Excuse me, where's the shoe shop?
It's over there. It's over there.
It's opposite the gift shop.



LESSON 2

1 Look, listen and repeat. Track 76

a



b



2 Listen, point and say. Track 77

How much is the _____?

It's _____.

a



pen / twenty thousand dong

b



skirt / eighty thousand dong

c



T-shirt / fifty thousand dong

d



school bag / ninety thousand dong

3 Let's talk.



4 Listen and number.

Track 78



5 Look, complete and read.

1. A: Excuse me. How much is this T-shirt?
   B: It's _____ thousand dong.
   A: And how much is that skirt?
   B: It's sixty _____.



2. A: Your school bag is so nice.
   B: Thank you. I like it very much.
   A: _____ is it?
   B: It's _____ thousand dong.



6 Let's play.

Guess the price!



LESSON 3

1 Listen and repeat. Track 79

be'hind — The bakery is be'hind the bookshop.

be'tween — The bakery is be'tween the bookshop and the sports shop.

2 Listen and circle. Track 80

1. The gift shop is ____ the bookshop and the bakery.

   a. behind b. between c. opposite

2. The gift shop is ____ the bookshop and the bakery.

   a. between b. opposite c. behind

3 Let's chant. Track 81

Where's the shoe shop?
Behind, behind, behind.
It's behind the bookshop.

Where's the bakery?
Between, between, between.
It's between the bookshop and the shoe shop.





4 Read and complete.

We are at the shopping centre. We can see many shops. The bookshop is opposite the shoe shop. The toy shop is behind the shoe shop. The bakery is between the bookshop and the gift shop.

Mai wants to buy a book. It is 30,000 dong. Linh wants to buy a doll. It is 50,000 dong. I want to buy an ice cream. It is 10,000 dong.

	Where?	What?	How much?
bookshop	opposite the shoe shop	(1) _____	30,000 dong
toy shop	(2) _____	doll	(3) _____ dong
bakery	between the bookshop and the gift shop	(4) _____	10,000 dong

5 Let's write.

- Where is the clothes shop?
- What does your mother want to buy? How much is it?
- Where is the gift shop?
- What do you want to buy at the gift shop? How much is it?

Shopping with my mum

My mother and I are at the shopping centre. The clothes shop is _____.

_____

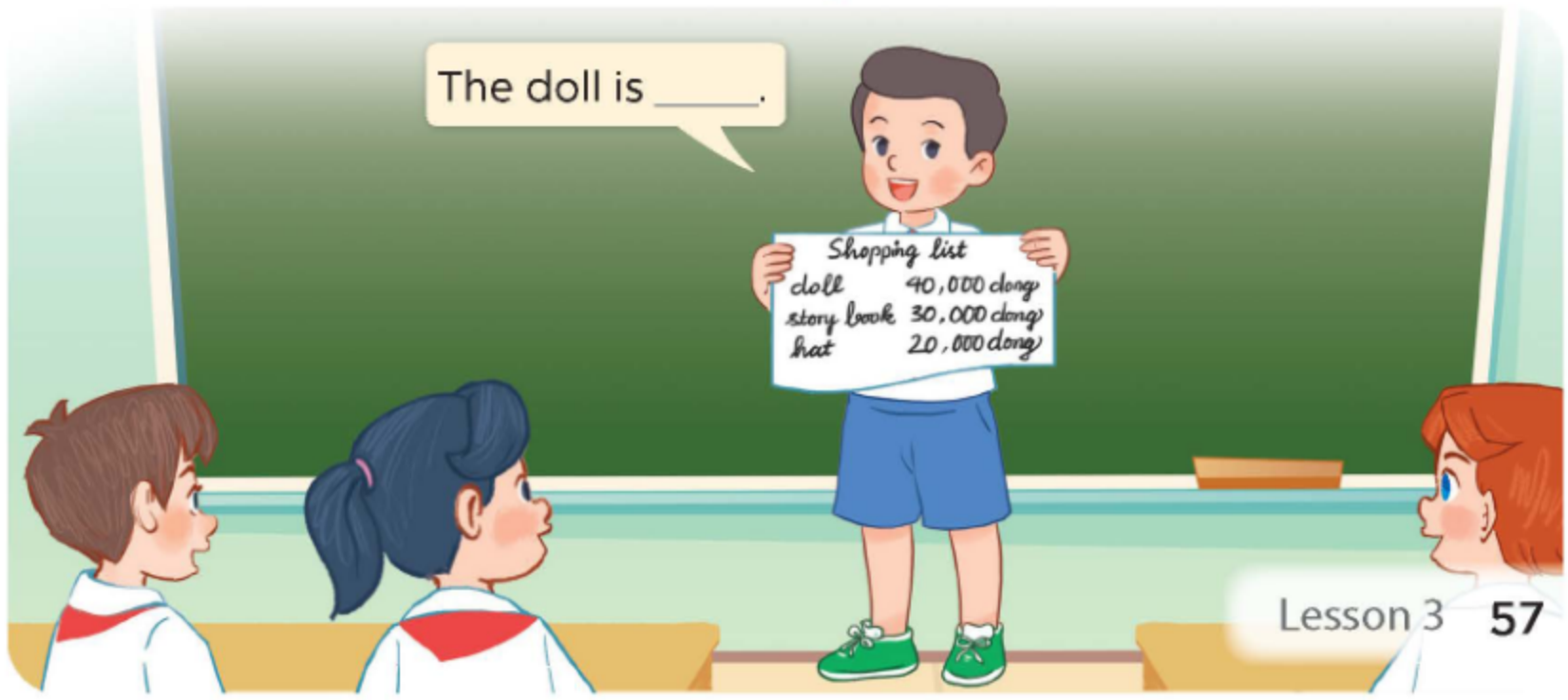
_____

_____



6 Project

At the shopping centre



UNIT 19

The animal world

LESSON 1

1 Look, listen and repeat. Track 82





2 Listen, point and say. Track 83

What are these animals?

They're _____.





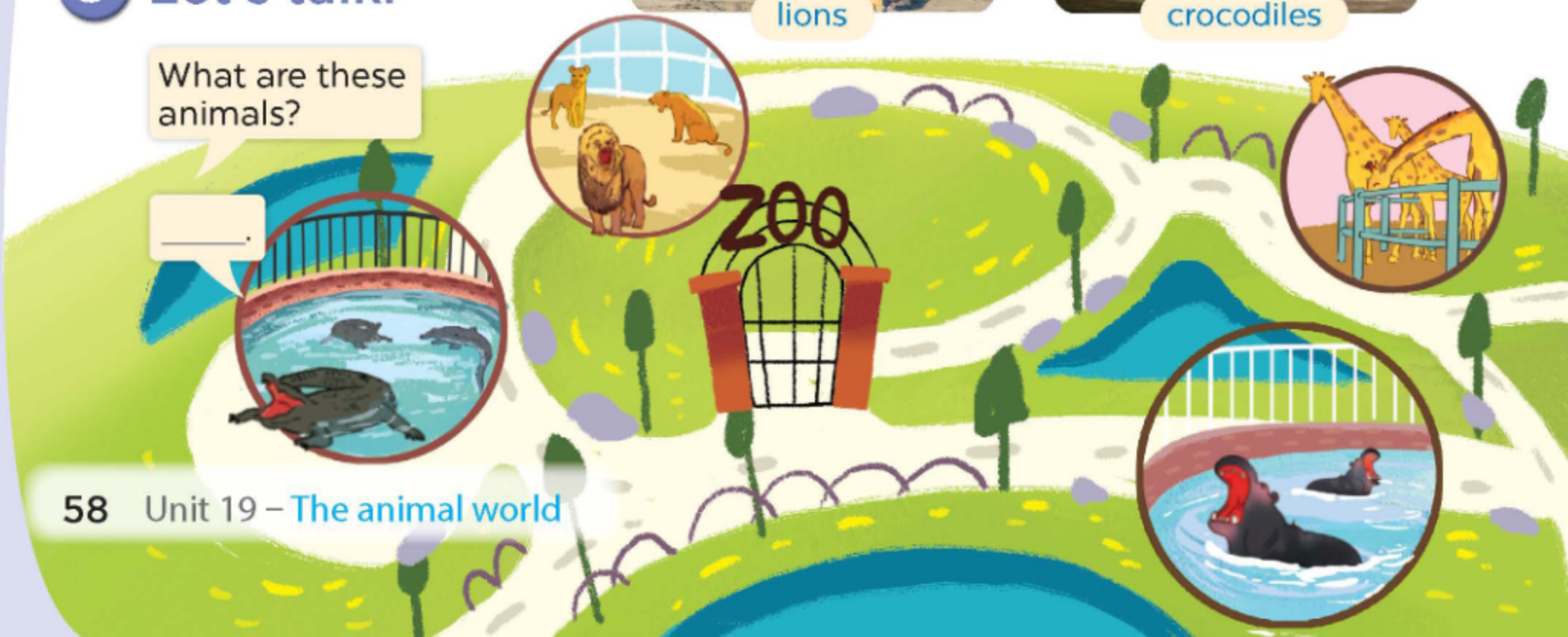




3 Let's talk.

What are these animals?

_____.



4 Listen and number. Track 84









5 Look, complete and read.



1. A: What are these animals?
   B: They're _____.



2. A: What are these animals?
   B: They're _____.



3. A: These animals have long necks and legs. _____ are they?
   B: _____ giraffes.



4. A: These animals have short legs. What _____?
   B: They're _____.

6 Let's sing. Track 85

What are these animals?

Look! Look! Look!
What are these animals?
They are lions.
They look brave.

Look! Look! Look!
What are these animals?
They are hippos.
They look strong.



LESSON 2

1 Look, listen and repeat. Track 86

a

What are these animals?

They're peacocks.

I like them.

b

Why do you like peacocks?

Because they dance beautifully.

2 Listen, point and say. Track 87

Why do you like _____?

Because they _____.

a

dance beautifully

b

run quickly

c

roar loudly

d

sing merrily

3 Let's talk.

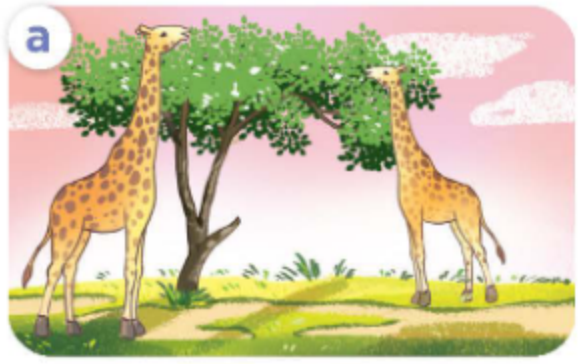
Why do you like _____?

_____.

sachmiao-khoa.com

4 Listen and circle.

1.





2.





5 Look, complete and read.



1. A: What are these animals?
   B: They're _____. I like them.
   A: Why do you like lions?
   B: _____ they roar loudly.



2. A: What are those _____?
   B: They're birds. I like them.
   A: _____ do you like birds?
   B: Because they _____.

6 Let's play.

Guessing animals



LESSON 3

1 Listen and repeat. Track 89

'loudly — These animals are roaring 'loudly.

'quickly — Those animals are running 'quickly.

2 Listen and circle. Track 90

1. These giraffes are moving ____.

a. quickly

b. loudly

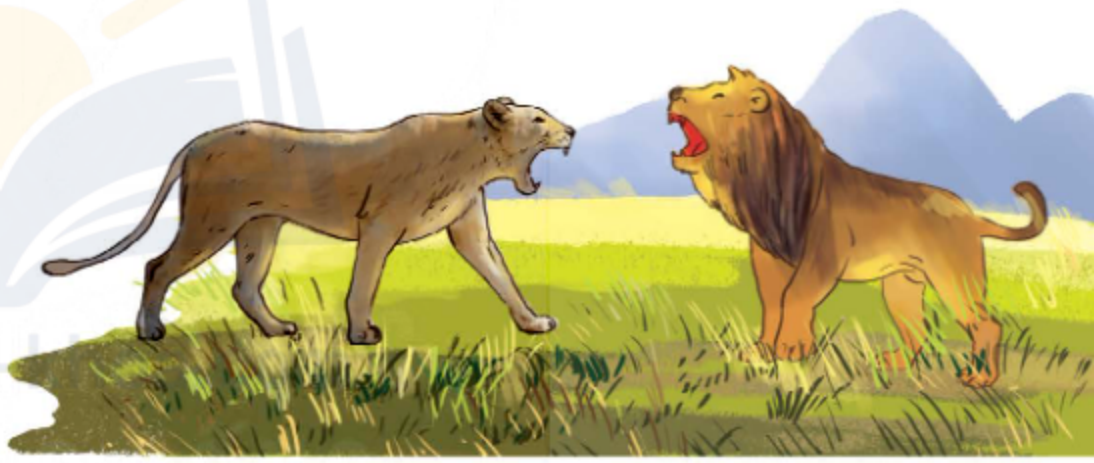
2. Those lions are roaring ____.

a. loudly

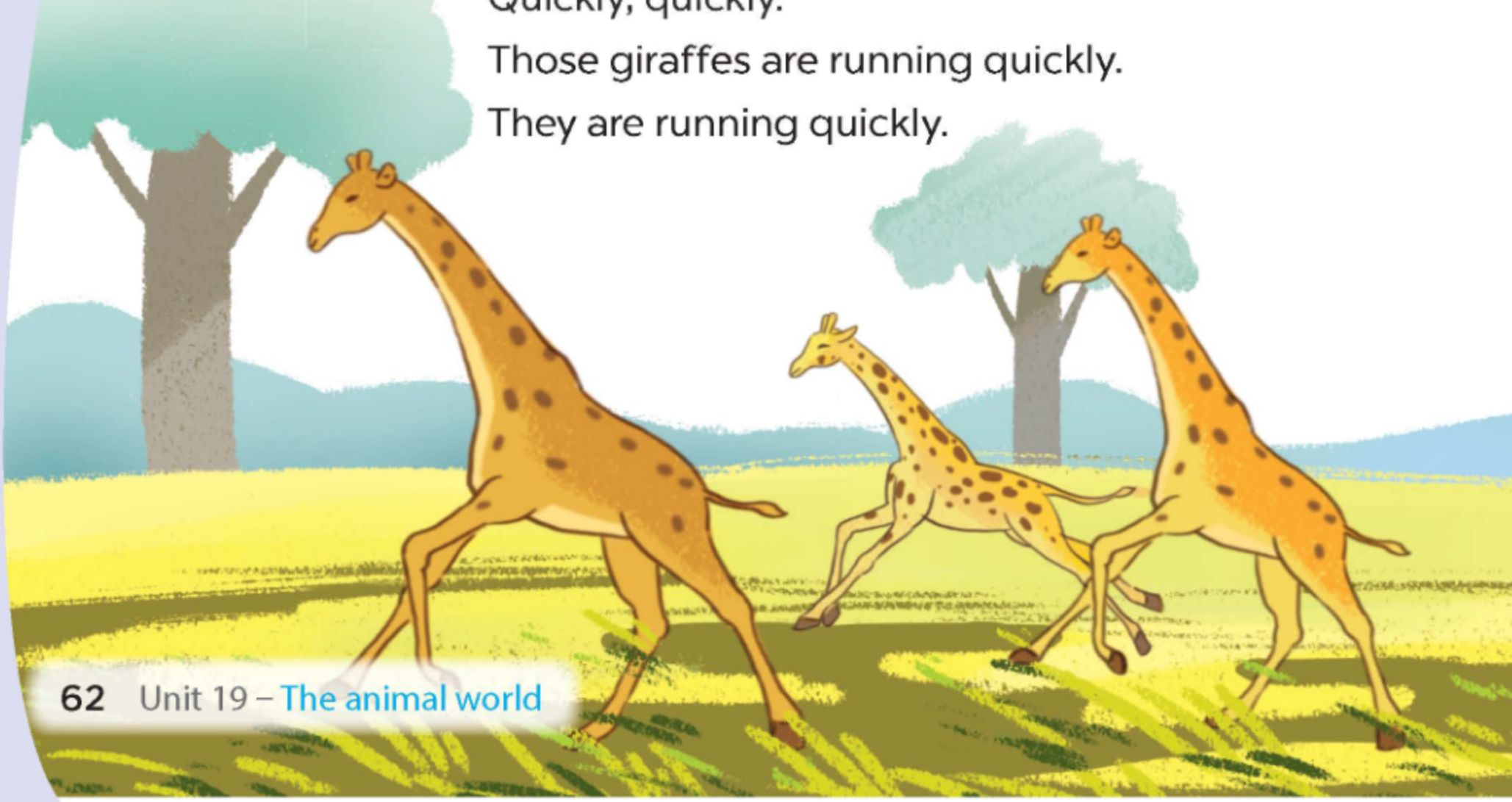
b. quickly

3 Let's chant. Track 91

Loudly, loudly.
These lions are roaring loudly.
They are roaring loudly.



Quickly, quickly.
Those giraffes are running quickly.
They are running quickly.



4 Read and write the answers.

It is a nice day today. Ben and his friends are at the zoo because they want to see the animals. They like giraffes because they have long necks and legs. Giraffes can run very quickly. His friends like birds because they sing merrily. Ben loves peacocks because they dance beautifully.

1. Where are Ben and his friends? _____.
2. What do they want to see? _____.
3. Why do they like giraffes? _____.
4. Why do his friends like birds? _____.

5 Let's write.

- What animals do you like to see and why?
- What animals does your brother / sister like to see and why?

Our favourite zoo animals

It is a sunny Sunday. My brother / sister and I are at the zoo _____.

_____

_____

sach-giao-khoa.com

6 Project

My favourite zoo animals



UNIT 20

At summer camp

LESSON 1

1 Look, listen and repeat. Track 92





2 Listen, point and say. Track 93

What's he / she doing?

He's / She's _____.



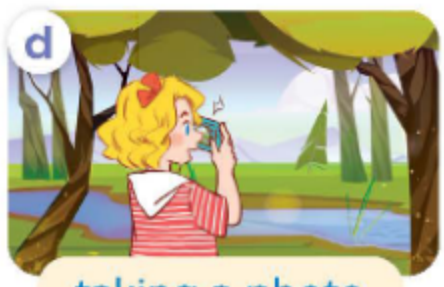
putting up a tent



building a campfire



telling a story



taking a photo

3 Let's talk.



4 Listen and match.



1.



2.



3.



4.



a



b



c



d



5 Look, complete and read.

1. A: What's he doing at the campsite?
   B: He's telling _____.

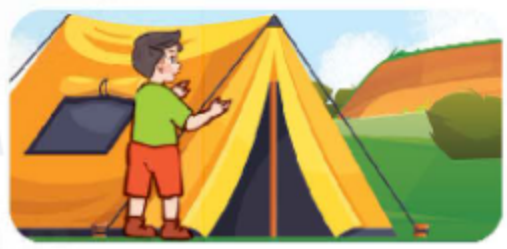
2. A: What's she doing at the campsite?
   B: She's building _____.

3. A: What's he _____ at the campsite?
   B: He's putting up _____.

4. A: What's she doing at _____?
   B: She's _____.









sach-giao-khoa.com

6 Let's play.

Guess what they are doing



LESSON 2

1 Look, listen and repeat. Track 95





2 Listen, point and say. Track 96

What are they doing?

They're _____.









3 Let's talk.

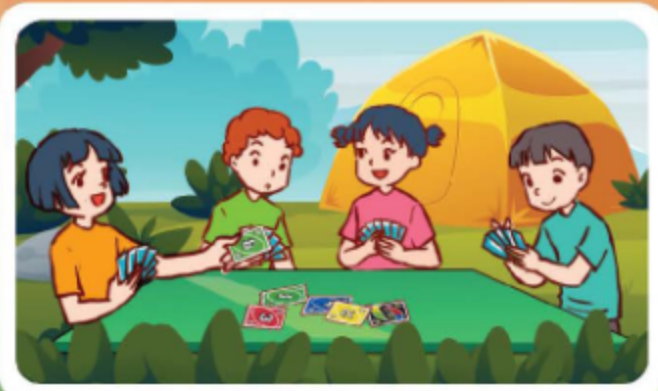
What are they doing?

_____.









4 Listen and tick. Track 97

1.





2.





5 Look, complete and read.

1. A: Where's Ben?

B: He's at the _____.

A: What's he _____?

B: He's emailing his mother.



2. A: I want to see Nam and Mai. _____ are they?

B: They're at the campsite.

A: _____ are they doing?

B: They're _____.



sach-giao-khoa.com

6 Let's sing. Track 98

What are they doing?

What are they doing?
Building a campfire.
Building a campfire.
They're building a campfire.

What are they doing?
Playing card games.
Playing card games.
They're playing card games.





LESSON 3

1 Listen and repeat. Track 99

'visit They 'visit their grandparents in summer.

'email We 'email our friends at the weekend.

2 Listen and circle. Track 100

1. We _____ our grandparents at the weekend.

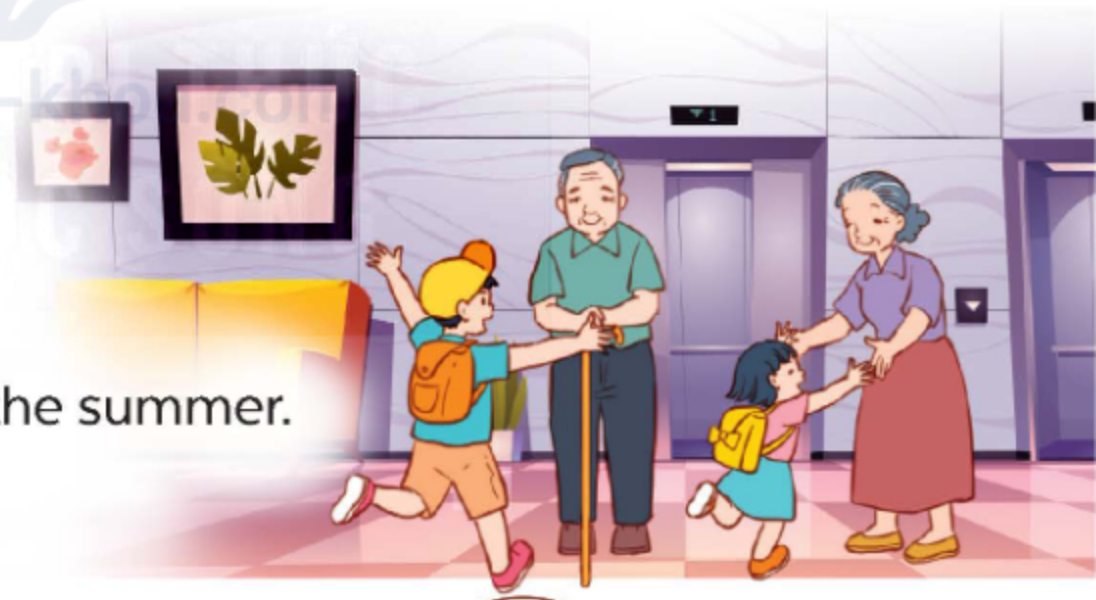
   a. visit b. email c. welcome

2. Linh and Nam _____ their friends on Sundays.

   a. email b. welcome c. visit

3 Let's chant. Track 101

Visit, visit, visit.
Grandparents, grandparents.
Let's visit our grandparents.
Let's visit our grandparents in the summer.



Email, email, email.
Friends, friends, friends.
Let's email our friends.
Let's email our friends at the weekend.



4 Read and tick True or False.

My name is Minh. Today is Sunday. My friends and I are at the campsite. Mai is telling a story. Ben and Bill are playing card games. Mary and Lucy are singing songs and dancing around the campfire. Some other friends are playing tug of war. I am taking a photo. We are having a lot of fun.

	True	False
1. Minh and his friends are at the campsite.		
2. Mary and Lucy are playing card games.		
3. Some friends are playing tug of war.		
4. Minh is taking a photo.		

5 Let's write.

- What is your teacher doing?
- What are the boys doing?
- What are the girls doing?
- What are you doing?

At the campsite

Today is Sunday. We are at the campsite. _____

_____

_____

_____

sach-giao-khoa.com

6 Project

Our summer camp activities



Review 4

1 Listen and tick. Track 102

1.



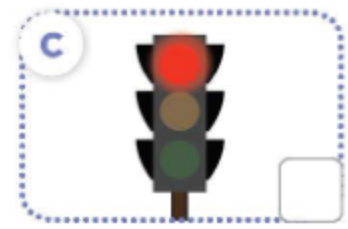




2.







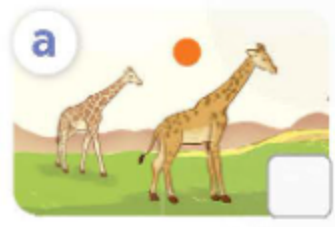
3.







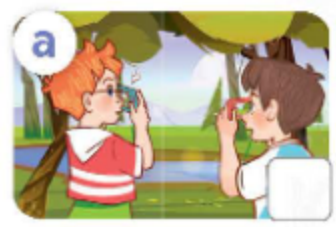
4.

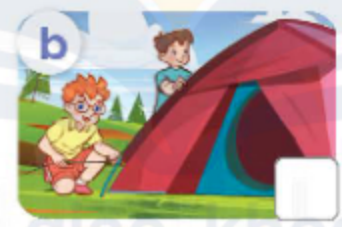






5.







2 Ask and answer.

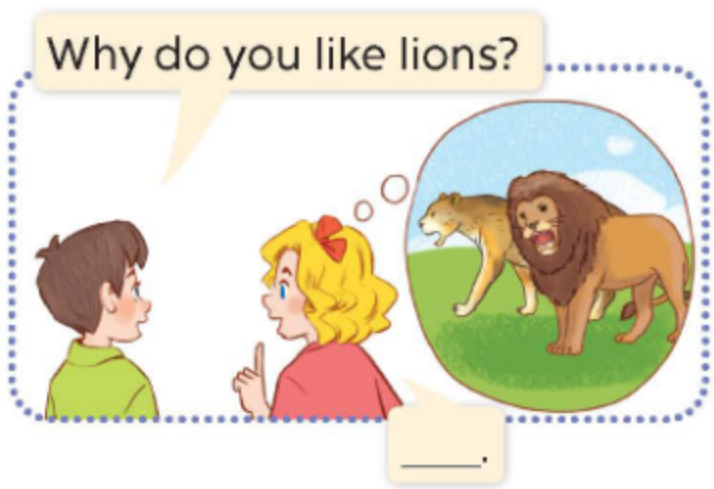
1.



2.



3.



4.



sach-giao-khoa.com

3 Read and match.

1. What was the weather like yesterday?	**a.** Go straight and turn right.
2. How can I get to the library?	**b.** It's 40,000 dong.
3. How much is this pencil case?	**c.** It was windy.
4. Why do you like giraffes?	**d.** He's playing tug of war.
5. What's he doing at the campsite?	**e.** Because they run quickly.

4 Read and complete.

Welcome to our Happy Camp. It is sunny. We are doing a lot of activities now. Some boys are near the tree. They are playing tug of war. Some girls are at the tent. They are singing and dancing beautifully. The teacher is taking photos. We like our summer camp activities very much.

1. The weather is _____ at Happy Camp.

2. The boys are _____ tug of war.

3. Some girls are singing and _____ beautifully at the tent.

4. The teacher is taking _____.

5 Let's write.

What are we doing?

Welcome to our summer camp. We are doing a lot of activities here. _____

_____

_____



Activities:
- singing and dancing
- playing tug of war
- building a campfire
- playing card games
- telling a story
- taking photos

Extension activities

1 Look and match.

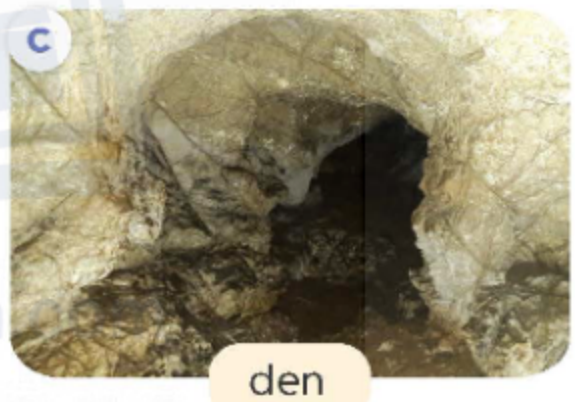
1. 

a 
nest

2. 

b 
web

3. 

c 
den

4. 

d 
burrow

2 Complete.

1. A lion lives in a _____.
2. A bird lives in a _____.
3. A rabbit lives in a _____.
4. A spider lives in a _____.

3 Board game. Roll a dice. Listen and answer.



sách-giáo-khoa.com

Wordlist

actor	/'æktə/	diễn viên (nam)
afternoon	/ˌɑːftə'nuːn/	buổi chiều
around	/ə'raʊnd/	xung quanh
bakery	/'beɪkəri/	hiệu bánh mì
beautifully	/'bjuːtɪfli/	đẹp đẽ
behind	/bɪ'haɪnd/	đằng sau
between	/bɪ'twiːn/	ở giữa
big	/bɪg/	to, lớn (kích thước)
bookshop	/'bʊkʃɒp/	hiệu sách
build a campfire	/bɪld ə 'kæmpfaɪə/	đốt lửa trại
burrow	/'bʌrəʊ/	hang (cầy, thỏ)
busy	/'bɪzi/	bận rộn, nhộn nhịp
centre	/'sentə/	trung tâm
cinema	/'sɪnəmə/, /'sɪnəmɑː/	rạp chiếu phim
clean (the floor)	/kliːn (ðə flɔː)/	lau (sàn nhà)
cloudy	/'klaʊdi/	có mây, nhiều mây
cooking	/'kʊkɪŋ/	việc nấu nướng
crocodile	/'krɒkədaɪl/	cá sấu Châu Phi, cá sấu
dance around the campfire	/dɑːns ə'raʊnd ðə 'kæmpfaɪə/	nhảy, múa quanh lửa trại
den	/den/	hang, ổ (sư tử)
do (housework)	/duː ('haʊswɜːk)/	làm (việc nhà)
do yoga	/duː 'jəʊgə/	tập yoga
dong	/dɒŋ/	đồng (đơn vị tiền tệ của Việt Nam)
email	/'iːmeɪl/	gửi (thư điện tử)
evening	/'iːvnɪŋ/	buổi tối
eye	/aɪ/	mắt
face	/feɪs/	khuôn mặt
factory	/'fæktri/	nhà máy
farm	/fɑːm/	trang trại
farmer	/'fɑːmə/	nông dân
film	/fɪlm/	phim
food stall	/fuːd stɔːl/	quầy hàng thực phẩm
get (to)	/get (tə)/	đến (địa điểm)
gift shop	/'gɪft ʃɒp/	cửa hàng quà tặng
giraffe	/dʒə'rɑːf/	hươu cao cổ
go straight	/gəʊ streɪt/	đi thẳng
hair	/heə/	tóc
help with the cooking	/help wɪð ðə 'kʊkɪŋ/	giúp đỡ việc nấu ăn
hippo	/'hɪpəʊ/	hà mã, lợn nước
hospital	/'hɒspɪtl/	bệnh viện
in	/ɪn/	trong, ở (đi cùng với tên đường / phố)
left	/left/	bên trái
like	/laɪk/	giống như
lion	/'laɪən/	con sư tử
live	/lɪv/	sống
long	/lɒŋ/	dài
loudly	/'laʊdli/	ầm ĩ, inh ỏi
me	/miː/, /mi/	tớ, tôi
meal	/miːl/	bữa ăn

merrily	/'merəli/	vui, vui vẻ
morning	/'mɔ:nɪŋ/	buổi sáng
near	/nɪə/	ở gần
noisy	/'nɔɪzi/	ồn ào, om sòm, huyên náo
noon	/nu:n/	buổi trưa
nurse	/nɜ:s/	y tá, điều dưỡng viên
nursing home	/'nɜ:sɪŋ həʊm/	viện điều dưỡng
office worker	/'ɒfɪs wɜ:kə/	nhân viên văn phòng
opposite	/'ɒpəzɪt/	đối diện
photo	/'fəʊtəʊ/	bức ảnh
play card games	/pleɪ 'kɑ:d geɪmz/	chơi bài
play tennis	/pleɪ 'tenɪs/	chơi quần vợt
play tug of war	/pleɪ ˌtʌg əv 'wɔ:/	chơi kéo co
policeman	/pə'li:smən/	cảnh sát (nam)
put up a tent	/pʊt ʌp ə 'tent/	dựng, cắm trại, lều
quickly	/'kwɪkli/	nhanh, mau chóng
quiet	/'kwaɪət/	yên tĩnh, tĩnh mịch
rainy	/'reɪni/	có mưa
right	/raɪt/	bên phải
road	/rəʊd/	con đường, đường phố
road sign	/'rəʊd saɪn/	biển chỉ đường
roar	/rɔ:/	gầm, rống lên (hổ, sư tử ...)
round	/raʊnd/	tròn
shopping centre	/'ʃɒpɪŋ sentə/	trung tâm mua sắm
short	/ʃɔ:t/	thấp, ngắn
sing songs	/sɪŋ sɒŋz/	hát bài hát
skirt	/skɜ:t/	váy
slim	/slɪm/	mảnh mai
sports centre	/'spɔ:ts sentə/	trung tâm thể thao
stop	/stɒp/	dừng lại
street	/stri:t/	phố, đường phố
sunny	/'sʌni/	có nắng
supermarket	/'su:pəmɑ:kɪt/	siêu thị
swimming pool	/'swɪmɪŋ pu:l/	bể bơi
take a photo	/teɪk ə 'fəʊtəʊ/	chụp ảnh
tall	/tɔ:l/	cao
television	/'telɪvɪʒn/	truyền hình
tell a story	/tel ə 'stɔ:ri/	kể chuyện
tent	/tent/	trại, lều (ở nơi cắm trại)
thousand	/'θaʊznd/	nghìn
T-shirt	/'ti: ʃɜ:t/	áo thun
turn	/tɜ:n/	rẽ
turn left	/tɜ:n 'left/	rẽ trái
turn right	/tɜ:n 'raɪt/	rẽ phải
turn round	/tɜ:n 'raʊnd/	quay lại, đổi hướng ngược lại
wash (the clothes / the dishes)	/wɒʃ (ðə 'kləʊðz / ðə 'dɪʃɪz)/	giặt (quần áo), rửa (bát đĩa)
watch	/wɒtʃ/	xem
water park	/'wɔ:tə pɑ:k/	công viên nước
weather	/'weðə/	thời tiết
web	/web/	mạng (nhện)
windy	/'wɪndi/	có gió

sách-giáo-khoa.com

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: LÊ THỊ HUỆ – VŨ THỊ LAI – LÊ NGUYỄN HOÀI NGÂN
NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ – LÊ KHÁNH TÙNG
Biên tập tái bản: VŨ THỊ LAI
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: THÁI THANH VÂN
Trình bày bìa: NGUYỄN VIỆT HÀ
Minh hoạ: LÊ MẠNH CƯỜNG – NGUYỄN MAI HƯƠNG
NGUYỄN THỊ NGỌC THUỶ – NGUYỄN HỒNG QUÂN
Sửa bản in: TRẦN THU HÀ – PHẠM THỊ TÌNH
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Sách được biên soạn, biên tập, thiết kế với sự cộng tác của Nhà xuất bản Macmillan (MPC) và các biên tập viên Ken Wilson, Cauvis Fung và Ivy Wang.

© Vietnam Education Publishing House (VEPH) & Macmillan (MPC), 2023

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Nhà xuất bản Macmillan (MPC).

TIẾNG ANH 4 – GLOBAL SUCCESS – SÁCH HỌC SINH, TẬP HAI
Mã số: G3HH4A002a26

In ..... bản, (QĐ ... - NXBGDHN) khổ 19 x 26.5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/232-09/GD
Số QĐXB: .../QĐ-GD-HN ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-35120-3
Tập hai: 978-604-0-35121-0



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 4, tập một
2. Tiếng Việt 4, tập hai
3. Toán 4, tập một
4. Toán 4, tập hai
5. Khoa học 4
6. Đạo đức 4
7. Âm nhạc 4
8. Mĩ thuật 4
9. Công nghệ 4
10. Lịch sử và Địa lí 4
11. Tin học 4
12. Hoạt động trải nghiệm 4
13. Giáo dục thể chất 4
14. Tiếng Anh 4 – Global Success – SHS, tập một
15. Tiếng Anh 4 – Global Success – SHS, tập hai

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-35121-0

Giá: 19.500 đ